

TÓM TẮT ĐỀ TÀI:

GIẢI PHÁP ĐA DẠNG HÓA SINH KẾ NHẪM TĂNG THU NHẬP, ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG CỘNG ĐỒNG THAM GIA NGHỀ SẢN XUẤT GẠCH, GỐM TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN MANG THÍT, TỈNH VĨNH LONG

✎ LÊ PHÚ QUỠI; LÊ LONG HẬU

CT kiêm GD Petrolimex Vĩnh Long; GV Khoa Kinh tế, Trường Đại học Cần Thơ

ĐẶT VẤN ĐỀ

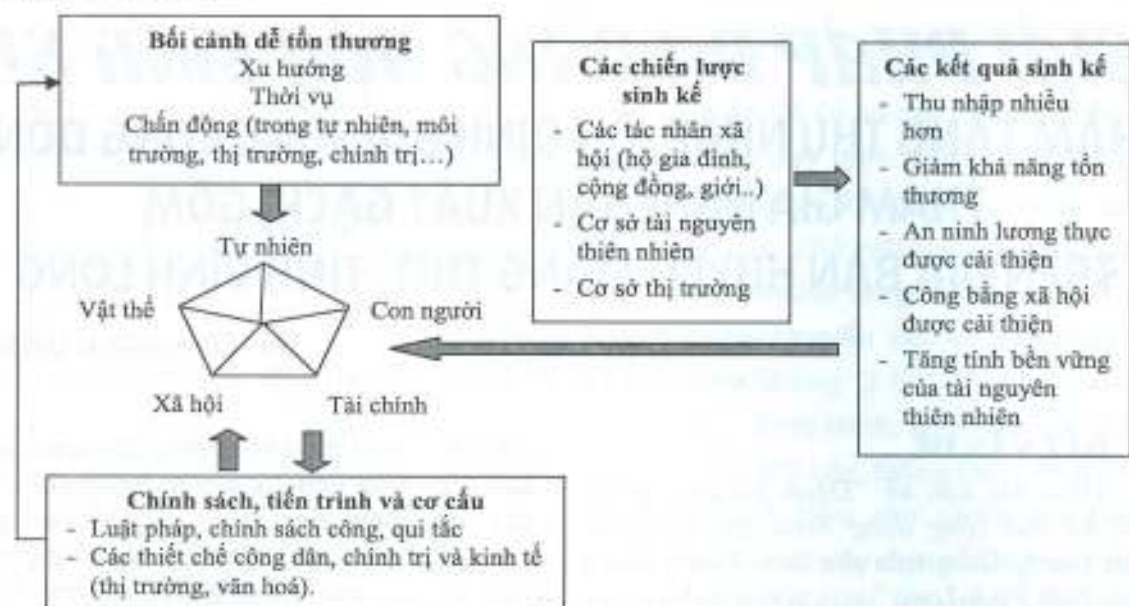
Theo báo cáo về “Đánh giá thực trạng sinh kế của cộng đồng tham gia nghề sản xuất Gạch, Gốm trên địa bàn huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long” của nhóm nghiên cứu được thực hiện từ năm 2016 - 2018 cho thấy: Thực trạng sinh kế của cộng đồng tham gia nghề sản xuất gạch, gốm trên địa bàn huyện Mang Thít bị tác động từ 02 yếu tố chính: (1) Suy thoái của ngành sản xuất gạch, gốm; (2) Tác động của đề án sắp xếp lại ngành sản xuất gạch, gốm trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long (Ban hành kèm theo Quyết định số 1831/QĐ-UBND ngày 08/11/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long), trong đó: Số lao động ngành gạch, gốm là 16.000; với mỗi doanh nghiệp (DN) chuyển đổi giải quyết việc làm cho 15 lao động thì số lao động dôi ra cần được đào tạo lại là 13.660 lao động. Từ thực trạng trên, đặt ra vấn đề cần phải tìm ra các giải pháp để tăng thu nhập, ổn định đời sống cho cộng đồng tham gia nghề sản xuất gạch, gốm trên địa bàn hiện nay là rất cần thiết.

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Cơ sở lý luận: Khung phân tích sinh kế xác định 5 nhóm tài sản, hay còn được hiểu là “vốn” sinh kế. Các tài sản này bao gồm: Vốn con người, vốn tự nhiên, vốn vật chất, vốn tài chính và vốn xã hội. Vốn con người bao gồm quy mô hộ gia đình, độ tuổi trung bình của hộ, trình độ, kỹ năng lao động của các thành viên trong hộ. Trong khi đó, vốn tự nhiên được hiểu là các nguồn lực tự nhiên

mà con người có thể sử dụng cho cuộc sống bao gồm diện tích đất sản xuất, độ phì nhiêu của đất, lượng mưa. Vốn vật chất bao gồm các tài sản cần thiết cho sinh hoạt hàng ngày của hộ như các phương tiện truyền thông, nhà cửa, nguồn năng lượng cho sinh hoạt. Vốn tài chính mà hộ có thể tiếp cận và sử dụng cho mục đích sinh kế như tiền gửi tiết kiệm, các loại kim khí quý, các nguồn tiền từ vay, mượn và các nguồn hỗ trợ khác. Vốn xã hội bao gồm các mối quan hệ hay sự kết nối giữa cá nhân trong hộ với các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức đoàn thể, các hội trên địa bàn sinh sống.

Phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu này được tiếp cận một cách logic và khoa học dựa trên khung sinh kế bền vững của tổ chức phát triển toàn cầu vương quốc Anh (DFID). Quy trình nghiên cứu đánh giá tác động/ảnh hưởng này được phát họa như sơ đồ 1. Sinh kế được xem là bền vững khi nó có thể đối phó, vượt qua và phục hồi từ các sức ép, các cú sốc, có khả năng duy trì hoặc là tăng cường năng lực các tài sản sinh kế ở cả thời gian hiện tại và trong tương lai mà không làm hủy hoại các tài nguyên thiên nhiên (Carney, 1998; Ashley and Carney, 1999; Chambers and Conway, 1992). Dựa vào định nghĩa này, khung sinh kế bao gồm ba hợp phần chính, đó là tài sản sinh kế, chiến lược (hoạt động), và kết quả. Ba hợp phần có tương tác và ảnh hưởng lẫn nhau dưới tác động của môi trường sinh kế (Scoones, 1998; Ellis, 2000).



Sơ đồ 1: Khung phân tích sinh kế bền vững theo DFID (1999).

KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

Dữ liệu phục vụ trong báo cáo này được thu thập bằng cách phỏng vấn trực tiếp 786 hộ gia đình đã và đang tham gia sản xuất gạch gốm trên địa bàn huyện Mang Thít theo 4 nhóm đối tượng là chủ lò, người lao động, người cung ứng nguyên vật liệu đầu vào và người phân phối sản phẩm gạch, gốm ra thị trường.

Bảng: Thực trạng 05 nguồn lực sinh kế của cộng đồng

Nhóm tài sản	Tiêu chí	ĐVT	Chung	Chủ lò	Lao động	Phân phối	Cung ứng
Vốn con người	Quy mô hộ	Người	4,05	4,48	3,87	4,65	3,67
	Trình độ	Lớp	6,27	6,73	6,12	4,11	6,95
	Độ tuổi	Tuổi	27,09	35,43	22,99	30,25	32,56
Vốn tự nhiên	Diện tích đất	m ² /hộ	2.742	4.935	1.858	1.756	3.961
	Độ phì nhiêu	1: kém 2: T. bình 3: tốt	2,06	2,09	2,03	2,67	2,61
Vốn vật chất	Phương tiện truyền thông	ĐTDD/hộ Ti vi/hộ	4,42 1,06	2,40 1,29	5,37 0,96	2,59 1,12	1,83 1,11
	Diện tích nhà ở	m ² /người	26,02	41,74	18,85	23,08	26,82
	Tỷ lệ sử dụng điện lưới quốc gia	%	98,38	99,54	97,81	100,00	100,00
Vốn tài chính	Tài sản sản xuất từ nguồn tự tích lũy	%	84,96	85,11	87,50	66,67	87,50
	Vay vốn từ các TCTD	%	89,29	91,57	88,15	80,00	100,00
	Hộ có vay	Hộ	224	83	135	5	1
Vốn xã hội	Tham gia các tổ chức đoàn thể	%	28,38	28,44	27,24	58,82	33,33

Nguồn: Số liệu khảo sát năm 2016

Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng: 05 nguồn vốn sinh kế của cộng đồng dân cư tham gia nghề sản xuất gạch, gồm tại huyện Mang Thít của Vĩnh Long ở mức trung bình thấp. Trong 05 nguồn vốn sinh kế, có nguồn vốn người dân/địa phương có thể tự mình cải thiện, song cũng có những nguồn vốn cần tới sự hỗ trợ từ bên ngoài cho phát triển sinh kế bền vững. Đồng thời nghiên cứu cũng chỉ ra việc tìm ra sinh kế mới giúp người dân tăng thu nhập, ổn định đời sống là rất cần thiết.

Đề xuất các giải pháp đa dạng hóa sinh kế.

Thông qua kết quả thực nghiệm 08 mô hình sinh kế, thực trạng 05 nguồn lực sinh kế của cộng đồng, nhóm nghiên cứu sử dụng mô hình ma trận SWOT để chỉ ra các giải pháp đa dạng hóa sinh kế cho từng nhóm đối tượng tham gia nghề sản xuất gạch, gồm bao gồm: (1) Nhóm giải pháp đối chủ lò đang hoạt động, các chủ lò đã ngừng hoạt động; (2) Nhóm giải pháp cho người cung ứng vật tư, người phân phối, người làm công; (3) Đề xuất các giải pháp đối với các trung tâm khuyến công, khuyến nông; (4) Các kiến nghị đối với nhà nước, chính quyền địa phương; (5) Các đề xuất đối với Ngân hàng Nhà nước, các ngân hàng thương mại trên địa bàn.

Đề xuất đề án

Trên cơ sở kết quả bước đầu thực hiện thí nghiệm các mô hình đa dạng sinh kế cho người dân vùng sản xuất gạch, gồm, Đề án: "Xây dựng và phát triển các mô hình đa dạng hóa sinh kế tăng thu nhập, ổn định đời sống cho cộng đồng tham gia nghề sản xuất gạch, gồm trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long đến năm 2020" được đề xuất thực hiện nhằm triển khai các chương trình đa dạng hóa sinh kế cho cộng đồng tham gia sản xuất gạch, gồm ở huyện Mang Thít, từ đó góp phần nâng cao thu nhập và ổn định cuộc sống cho người dân và phát triển kinh tế địa phương.

KẾT LUẬN

Dựa trên tiếp cận sinh kế và sử dụng phương pháp đánh giá sinh kế có sự tham gia phỏng vấn hộ gia đình. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng: Thực trạng sinh kế của cộng đồng tại vùng nghiên cứu hết sức đa dạng và có sự khác biệt lớn giữa các nhóm hộ. Nghiên cứu này cũng cho thấy các chính sách hỗ trợ của nhà nước trong thời gian gần đây có tác động lớn đến hoạt động đa dạng sinh kế nhằm tăng thu nhập của người dân, tuy vậy, các chính sách chung đó không đáp ứng nhu cầu phát triển của tất cả địa phương, các nhóm đối tượng bởi vì có sự khác biệt lớn về tài sản sinh kế, đặc biệt là nguồn nhân lực, đất đai, tài chính và vốn xã hội; là cơ sở quan trọng để tìm ra giải pháp đa dạng hóa sinh kế bền vững, tăng thu nhập và ổn định đời sống. Đề tài đã có những đóng góp nhất định vào an sinh xã hội tại địa phương nghiên cứu. Các giải pháp, kiến nghị và đề xuất đề án đa dạng hóa sinh kế của nhóm nghiên cứu cần được các cấp chính quyền, các đoàn thể chính trị - xã hội và các ban, ngành của tỉnh nghiên cứu, triển khai áp dụng./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- (1) Dương Ngọc Thành (2014). *Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo nghề nông thôn tỉnh Vĩnh Long. Báo cáo tổng kết đề tài Khoa học Công nghệ tỉnh Vĩnh Long.*
- (2) Dương Ngọc Thành, (2014) *Thực trạng và Giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo nghề ở Nông thôn tỉnh Vĩnh Long. Đề tài nghiên cứu cấp Tỉnh Vĩnh Long năm 2014.*
- (...)